

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 04/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Ông Lê Mộng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2024/QĐXXST- HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với:

- **Bị cáo:** Trần Vi L, sinh năm: 1992.

+ Tên gọi khác: không.

+ Nơi sinh: tỉnh Long An;

+ Nơi cư trú: số E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre;

+ Nghề nghiệp: làm thuê;

+ Trình độ học vấn: 8/12;

+ Dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

+ Con ông Trần Văn Đ (còn sống) và bà Đào Thị Đ1 (còn sống);

+ Bị cáo chưa có vợ, con;

+ Tiền án: có 02 tiền án; tại Bản án số 82/2017/HS-ST ngày 30/6/2017 của Toà án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền 1.550.000 đồng vào ngày 23/11/2020); tại Bản án số 19/2021/HS-PT ngày 17/3/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 02 (hai) năm tù, về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong ngày 20/01/2023.

+ Tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 18/QĐ-XPHC ngày 21/3/2023 của Công an xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt).

+ Nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 48/QĐ-XPHC ngày 13/7/2018 của Công an xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng, chưa thực hiện việc nộp phạt nhưng đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

+ Bị cáo bị bắt để tạm giữ ngày 01/3/2024 đến ngày 10/3/2024, sau đó chuyển sang giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Bến Tre. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Võ Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: số A, khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1960; địa chỉ: số C, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người chứng kiến:*

+ Bùi Tuấn A, sinh năm 1985, địa chỉ: số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Đàm Văn L1, sinh năm 1991, địa chỉ: số E, ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Nguyễn Văn S, sinh năm 1979, địa chỉ: số F, ấp Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Vi L có 01 (một) tiền án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” là đối tượng nghiện ma túy, đã thực hiện hành vi như sau:

* Vụ thứ nhất: khoảng 02 giờ ngày 09/10/2023, Trần Vi L đi đến khu vực ngã tư A đoạn đường T thuộc Khu công nghiệp T, Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy của người lạ (không xác định được nhân thân, lai lịch) với số tiền 200.000 đồng và mua 01 (một) ống thủy tinh hình mỏ vịt dùng để sử dụng ma túy với giá 25.000 đồng. Liệu đem ma túy và dụng cụ sử dụng về nhà của L ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, khoảng 19 giờ cùng ngày L lấy một phần ma túy ra sử dụng một mình. Số ma túy còn lại L để vào gói thuốc lá cất giấu vào túi quần. Đến 23 giờ cùng ngày, Trần Vi L đến Công an xã M, huyện T tự thú về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và lấy từ túi quần trước bên trái ra giao nộp 01 (một) ống nhựa bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi vấn ma túy.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể vào ngày 09/10/2023 xác định Trần Vi L2 dương tính với chất ma túy tổng hợp, loại ma túy đá.

Vật chứng đã thu giữ gồm: 01 (một) ống nhựa màu trắng được hàn kín bốn phía, bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi vấn ma túy, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A.

Tại kết luận giám định số 770/2023/KL-KTHS ngày 27/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) ống nhựa màu trắng được hàn kín bốn phía được niêm phong trong phong bì ký hiệu A gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng: 0,0810 gam.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu “A” qua giám định là chất ma túy, cơ quan giám định không hoàn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an huyện T, tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu A sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định. Đối với 01 (một) ống thủy tinh hình mỏ vịt bị cáo mua dùng để sử dụng ma túy đã bị bể và bị cáo đã bỏ đi nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

* Vụ thứ hai: Trong thời gian bị Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để chờ xét xử về hành vi phạm tội xảy ra vào ngày 09/10/2023 (vụ thứ nhất), vào trưa ngày 29/02/2024, Trần Vi L sử dụng điện thoại hiệu Xiaomi POCO C40, gắn sim số 0962 027 467 của L gọi vào số điện thoại 0943 353 354 của người bạn của L tên T1 nhà ở tỉnh Trà Vinh (qua điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch) đặt mua 1.000.000 đồng ma túy. T1 đồng ý bán ma túy cho L và hẹn khoảng 17 giờ cùng ngày đến bến phà B thuộc xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre giao nhận ma túy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Trần Vi L điều khiển xe mô tô biển số 71Y1-1341 của L đi từ nhà đến bến phà B như đã hẹn trước đó. Khi đến nơi thấy T1 đã có mặt, L lấy 1.000.000 đồng ra đưa cho T1 để lấy ma túy. T1 nhận tiền và đưa lại cho L 01 (một) túi nylon màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp, có sọc màu đỏ bên trong có 04 (bốn) gói nylon màu trắng được hàn kín bốn phía bên trong đều có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy đá. Sau khi nhận ma túy xong, L có nói “có khuyến mãi gì không đại ca” thì T1 trả lời “còn một miếng cho mày luôn nè”, T1 đưa cho L 01 (một) túi nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp bên trong có chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá. Sau đó, T1 đi đâu L không biết, còn L cất giấu 02 (hai) gói ma túy vào hộp bằng nhựa để bên trong chiếc rổ tự chế trên ba ga phía trước xe mô tô của L rồi điều khiển xe đến chòi của anh L3 ở xã P, huyện T rủ anh L3 cùng sử dụng ma túy với L. Tuy nhiên, khi đến chòi thì không gặp anh L3 nên L điều khiển xe về. Trên đường về, khi đến đoạn gần Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre thì bị lực lượng Công an phát hiện và tạm giữ.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể vào ngày 29/02/2024 xác định Trần Vi L2 dương tính với chất ma túy tổng hợp, loại ma túy đá (Methamphetamine).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) hộp nhựa màu trắng xanh có ghi dòng chữ Vaseline bên trong có 02 (hai) gói nylon:

+ 01 (một) gói nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy.

+ 01 (một) gói nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp có sọc màu đỏ bên trong có chứa 04 (bốn) gói nylon màu trắng được hàn kín bốn phía. Bên trong mỗi gói nylon đều có chứa chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “1”.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, không cài mặt khải; kiểu máy MLH73ZA/A, số seri: G4XNV62V06, IMEL: 351596246425070, ICCID: 89840509221629546079; MELD: 35159624642507, không có sim được niêm phong trong phong bì ký hiệu số “2”.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Xiaomi POCOC40; mặt khải 999999; sim số: 0962 027 467; số seri 38630/62T907212; IMEL1: 862598056229263/00; IMEL2: 862598056229271/00 được niêm phong

trong phong bì ký hiệu số “3”. Là điện thoại bị cáo dùng để liên lạc đặt mua ma túy.

- 01 (một) xe mô tô biển số 71Y1-1341, số khung: RMDCHHHU41-009783; số máy: VHU1P52FMH-A009783. Là xe bị cáo dùng để đi nhận ma túy và cất giấu ma túy.

- Tiền Việt Nam là 3.200.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 158/2024/KL-KTHS ngày 06/3/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong phong bì ký hiệu 1 gói giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,5887 gam.

Quá trình điều tra, xác định số tiền 3.200.000 đồng là tiền của bà Võ Thị T, sinh năm 1969, cư trú tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre đưa cho Trần Vi L nhờ Liệu mua đồ sửa chữa ghe, chưa kịp mua thì bị phát hiện tạm giữ. Do xác định không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà T số tiền 3.200.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSTP-HS, ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã truy tố Trần Vi L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm b, o khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Vi L phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Vi L 05 (năm) năm tù đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2024. Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, không đảm nhận chức vụ nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mẫu vật ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,5388 gam, được niêm phong trong phong bì ký hiệu 158/2024 và hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh B.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Xiaomi POCOC40, IMEL1: 862598056229263/00, IMEL2: 862598056229271/00, số seri 38630/62T907212 gắn sim số 0962027647 được niêm phong trong phong bì có ghi chữ “Điện thoại của Trần Vi L 2”; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SINUDA, màu sơn xanh, số loại C110, gắn biển kiểm soát 71Y1-1341, số máy: VHU1P52FMH-A009783, số khung: RMDCHHHU41-009783 kèm theo 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 001428, tên chủ xe Nguyễn Văn Đ2; địa chỉ T, B, T biển số đăng ký 71Y1-1341. Qua điều tra xác định đây là công cụ và phương tiện mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 Promax, kiểu máy MLH73ZA/A, số seri: G4XNV62V06, IMEL:

351596246425070, ICCID: 89840509221629546079; MELD: 35159624642507, được niêm phong trong phong bì có ghi chữ “Điện thoại của Trần Vi L 1”.

- Đối với vật chứng là số tiền Việt Nam đồng là 3.200.000 đồng, vật chứng này đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo đồng ý tội danh, điều luật, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Văn Đ2 và Võ Thị T không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo xin lỗi gia đình và mẹ của bị cáo, bị cáo xin nhận lại chiếc xe gắn máy đã thu giữ, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn Đ2, Võ Thị T và người chứng kiến Bùi Tuấn A, Đàm Văn L1, Nguyễn Văn S có đơn xin vắng mặt. Thấy rằng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến đã có lời khai cụ thể, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Vi L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trần Vi L có 01 (một) tiền án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” đã thực hiện hành vi như sau: Vào ngày 09/10/2023, Trần Vi L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà ở ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre, sau đó đến Công an xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre tự thú và giao nộp 01 (một) ống nhựa bên trong chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0810 gam. Đến ngày 29/02/2024, Trần Vi L tiếp tục có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để trong hộp bằng nhựa phía trong chiếc rổ tự chế trên ba ga phía trước xe mô tô của L, qua giám định là ma túy đá, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,5887 gam. Số ma túy nêu trên, Liệu tàng trữ nhằm mục đích sử dụng cá nhân.

[3] Hành vi của bị cáo Trần Vi L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trần Vi L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm đến chính sách của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ thái độ coi thường pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm do chính hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Vi L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo tự thú về hành vi phạm tội của mình nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bà nội là bà Trần Thị T2 được tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Trần Vi L có nhân thân xấu, cụ thể: bị cáo có 02 tiền án về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” và 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo từng có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Qua đó, bị cáo vẫn không chịu cải tạo mà liên tiếp thực hiện nhiều lần hành vi phạm tội. Điều đó, cho thấy bị cáo là người khó cải tạo giáo dục và thể hiện bản tính xem thường pháp luật. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc để cách ly bị cáo với các hoạt động bình thường bên ngoài xã hội một thời gian nhất định mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, từ đó để bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, đồng thời vừa đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung cho cộng đồng. Tuy nhiên, trong lượng hình cũng cần phải xem xét đến việc bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích nêu trên.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng hiện tại bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người tên T1 là người bán ma túy cho bị cáo, qua điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên ghi nhận. Đối với việc bị cáo xin nhận lại xe mô tô mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, xe mô tô nhãn hiệu SINUDA, màu sơn xanh, số loại C110, gắn biển kiểm soát 71Y1-1341, số máy: VHU1P52FMH-A009783, số khung: RMMDCHHHU41-009783 là phương tiện bị cáo trực tiếp sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo sử dụng xe mô tô này để đi đến điểm hẹn nhận ma túy, sau đó sử dụng làm nơi để cất giấu ma túy cho đến khi bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần thiết phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin nhận lại xe mô tô của bị cáo.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên phân tích đánh giá hành vi cấu thành tội phạm của bị cáo, hậu quả và tính chất mức độ của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phù hợp với tính khách quan của vụ án, đúng với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Vi L phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm b, o khoản 2 Điều 249; điểm r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Vi L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2024.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mẫu vật ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,5388 gam, được niêm phong trong phong bì ký hiệu 158/2024 có chữ ký ghi tên Trần Quốc D, Phan Trung T3, Trần Vi L và hình dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh B.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Xiaomi POCO C40, IMEL1: 862598056229263/00, IMEL2: 862598056229271/00; ICC1D2: 89840480009231881397; số seri 38630/62T907212 gắn sim số 0962027647 được niêm phong trong phong bì có ghi chữ “Điện thoại của Trần Vi L 2”;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SINUDA, màu sơn xanh, số loại C110, gắn biển kiểm soát 71Y1-1341, số máy: VHU1P52FMH-A009783, số khung: RMMDCHHHU41-009783 kèm theo 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 001428, tên chủ xe Nguyễn Văn Đ2; địa chỉ T, B, T, biển số đăng ký 71Y1-1341.

- Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, kiểu máy MLH73ZA/A, số seri: G4XNV62V06, IMEL:

351596246425070, ICCID: 89840509221629546079; MELD: 35159624642507, được niêm phong trong phong bì có ghi chữ “Điện thoại của Trần Vi L 1”.

- Đối với số tiền là 3.200.000 đồng, đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra nên không xem xét giải quyết.

(vật chứng được tạm gửi tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T theo Quyết định chuyển vật chứng số 23/QĐ-VKSTP-HS ngày 04/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú).

3. Về án phí sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Trần Vi L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền và thời hạn kháng cáo: căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Công an huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bộ phận HS Công an huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1b);
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

**Lê Khắc Hiệp – Phan Thị Cẩm
Hong**

Hồ Văn Tú

